

## CHƯƠNG IV

### THIẾT LẬP HỆ THỐNG BẢNG BIỂU KẾ TOÁN

#### MỤC TIÊU

- Nhận diện rõ sự khác nhau cơ bản khi thiết lập hệ thống bảng biểu kế toán trong các phần mềm kế toán và kế toán thủ công
- Giúp sinh viên nắm vững các nguyên tắc thiết lập các báo cáo kế toán trên máy, các thao tác chỉnh sửa sổ kế toán, báo cáo kế toán.
- Giúp sinh viên thực hành thành thạo phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING, cung cấp hệ thống bảng biểu kế toán theo mô hình của một số doanh nghiệp đặc trưng.

SỐ TIẾT: 7

#### I. Hệ thống bảng biểu kế toán

##### I.1 Khái niệm hệ thống bảng biểu kế toán

Hệ thống bảng biểu kế toán là kết quả của hệ thống đầu vào kế toán và quá trình xử lý của máy thông qua các câu lệnh do người sử dụng thực hiện. Sau khi hoàn thành việc nhập các chứng từ kế toán, thực hiện các thao tác chuyển số dư, một chương trình kế toán máy thường được lập trình tự động xử lý các chứng từ, cung cấp các bảng biểu kế toán theo yêu cầu của người sử dụng. Có thể nói đó là tính ưu việt, tiện lợi của kế toán máy.

Hệ thống bảng biểu kế toán trong một chương trình kế toán máy gồm hai phần:

##### \* Sổ kế toán

Sổ kế toán là hình thức biểu hiện của phương pháp đối ứng tài khoản trên thực tế vận dụng. Sổ kế toán là những tờ sổ theo mẫu nhất định có liên hệ chặt chẽ với nhau dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế theo đúng phương pháp kế toán trên cơ sở số liệu của chứng từ gốc hợp lệ và hợp pháp.

Để phản ánh một cách liên tục và có hệ thống sự biến động của từng tài sản, từng nguồn vốn và quá trình SXKD, kế toán phải sử dụng hệ thống sổ kế toán, bao gồm nhiều loại sổ khác nhau. Xây dựng hệ thống sổ kế toán một cách khoa học sẽ đảm bảo cho việc tổng hợp số liệu được kịp thời, chính xác và tiết kiệm được thời gian công tác.

##### \* Các báo cáo kế toán

Báo cáo kế toán chính là “sản phẩm” của quá trình xử lý thông tin tại bộ phận kế toán của doanh nghiệp. Báo cáo kế toán là phương tiện cung cấp thông tin cho các đối tượng cần sử dụng thông tin kế toán.

Kế toán là quá trình thu thập, đo lường, xử lý và cung cấp thông tin hữu ích cho những đối tượng quan tâm đến doanh nghiệp. Do tính đa dạng của đối tượng sử dụng, thông tin kế toán và nhu cầu về thông tin kế toán giữa những đối tượng rất khác nhau nên việc xây dựng các báo cáo kế toán không thể không quan tâm đến đặc điểm của từng đối tượng sử dụng.

---

Hệ thống báo cáo kế toán tại doanh nghiệp bao gồm hai loại:

➤ Báo cáo kế toán tài chính

Báo cáo tài chính là một hệ thống thông tin được xử lý bởi hệ thống kế toán tài chính, nhằm cung cấp những thông tin tài chính có ích cho các đối tượng sử dụng để đưa ra các quyết định kinh tế.

Trong hệ thống kế toán doanh nghiệp Việt Nam, báo cáo kế toán tài chính là những báo cáo tổng hợp, trình bày tổng quát tình hình tài sản, công nợ, nguồn vốn chủ sở hữu; tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Báo cáo tài chính được thể hiện thông qua một hệ thống các chỉ tiêu có mối liên hệ với nhau do Nhà nước quy định thống nhất và mang tính pháp lệnh. Nó cung cấp cho người sử dụng bức tranh toàn cảnh về tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

Những báo cáo tài chính do kế toán lập theo định kỳ (tháng, quý, năm) nhằm mục đích cung cấp thông tin về kết quả và tình hình tài chính của doanh nghiệp. Đối tượng sử dụng các báo cáo tài chính là các nhà quản lý tại doanh nghiệp và những đối tượng bên ngoài doanh nghiệp: Nhà nước, cơ quan thuế, ngân hàng, các nhà đầu tư, nhà cung cấp, khách hàng...tất cả những ai quan tâm đến doanh nghiệp. Với những thông tin tổng hợp về tình hình tài chính, báo cáo tài chính có thể đáp ứng những thông tin cơ bản và cần thiết nhất để đánh giá thực trạng tài chính của doanh nghiệp, dự đoán hoạt động của doanh nghiệp trong tương lai.

Bản chất của báo cáo tài chính là phản ánh sự kết hợp của những sự kiện quá khứ với những nguyên tắc kế toán đã được thừa nhận và những đánh giá của cá nhân, nhằm chủ yếu là cung cấp thông tin tài chính hữu ích cho các đối tượng sử dụng bên ngoài doanh nghiệp. Một mặt do thông tin trình bày trên báo cáo tài chính chủ yếu chịu sự chi phối bởi những đánh giá của người lập báo cáo tài chính, mặt khác do có sự tách biệt giữa sự sở hữu và khả năng kiểm soát của những người cung cấp vốn cho doanh nghiệp, nên báo cáo tài chính được lập đòi hỏi phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập.

➤ Báo cáo kế toán quản trị

Báo cáo kế toán quản trị là những báo cáo phục vụ yêu cầu quản trị và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà quản lý doanh nghiệp.

Báo cáo kế toán quản trị cung cấp những thông tin mà nhà quản lý cần để lập kế hoạch, đánh giá và kiểm soát hoạt động trong doanh nghiệp, nó tồn tại vì lợi ích của doanh nghiệp. Nói một cách tổng quát, nó cung cấp những thông tin kế toán phục vụ cho mục tiêu ra quyết định của nhà quản lý, chủ yếu là định hướng cho tương lai. Những quyết định sáng suốt về những vấn đề như giá cả trong tương lai, số lượng sản phẩm đầu ra, kết cấu sản phẩm tiêu thụ, vấn đề quản lý vốn... tất cả đều liên quan đến việc đánh giá các thông tin kế toán quản trị. Vì thông tin kế toán quản trị chỉ được chuẩn bị và sử dụng riêng cho nhà quản lý nên kiểm toán độc lập sẽ không thích hợp. Do không cần được kiểm toán độc lập và khía cạnh sở hữu cá nhân của thông tin kế toán quản trị, nên việc lập những báo cáo này không cần thiết phải tuân theo những nguyên tắc kế toán nhất định, nhằm mục đích tăng cường khả năng so sánh giữa các công ty, bởi những so sánh đó không phải là mục đích của kế toán quản trị nói chung và báo cáo kế toán quản trị nói riêng.

Từ những phân tích trên có thể phát biểu bản chất của báo cáo kế toán quản trị là hệ thống thông tin được soạn thảo và trình bày theo yêu cầu quản trị, điều hành sản xuất kinh doanh và ra các quyết định của bản thân từng doanh nghiệp, nên nó có tính linh hoạt, đa dạng và không phụ thuộc vào những nguyên tắc kế toán.

## **I.2 Mục đích thiết lập hệ thống bảng biểu kế toán**

*Mục đích ghi sổ kế toán :*

Việc tập hợp thông tin từ các chứng từ kế toán và phân loại, hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh phải thông qua hệ thống sổ kế toán phù hợp với đặc điểm và quy mô hoạt động của đơn vị. Xác lập hệ thống sổ, qui định trình tự và phương pháp ghi vào các loại sổ để phục vụ cho yêu cầu tổng hợp và phân tích thông tin là vấn đề có ý nghĩa quan trọng không chỉ trong điều kiện thực hiện công tác kế toán bằng phương pháp thủ công mà ngay cả trong điều kiện thực hiện trên hệ thống máy vi tính. Nhờ có sổ kế toán mà các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ghi chép rời rạc trên các chứng từ gốc được phản ánh đầy đủ, có hệ thống, từ đó kế toán có thể tổng hợp số liệu lập các báo cáo kế toán và phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

*Mục đích thiết lập hệ thống báo cáo kế toán:*

➤ Mục đích của báo cáo tài chính sử dụng ở nước ta về cơ bản có sự tương đồng với chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB). Mục đích của báo cáo tài chính là cung cấp những thông tin về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và những biến động về tình hình của doanh nghiệp, để giúp cho người sử dụng ra các quyết định kinh tế một cách kịp thời.

Thông tin về tình hình tài chính chủ yếu được cung cấp qua bảng cân đối kế toán. Tình hình tài chính của doanh nghiệp chịu sự ảnh hưởng của các nhân tố: các nguồn lực kinh tế do doanh nghiệp kiểm soát, cơ cấu tài chính và khả năng thanh toán công nợ. Vì vậy khi nghiên cứu các thông tin về tình hình tài chính sẽ giúp cho người sử dụng:

- Đánh giá năng lực của doanh nghiệp trong việc tạo ra các nguồn tiền và các khoản tương đương tiền trong tương lai.
- Dự đoán nhu cầu đi vay trong tương lai và phương thức phân phối lợi tức.
- Dự đoán khả năng thành công của doanh nghiệp trong việc huy động các nguồn tài chính.
- Đánh giá khả năng của doanh nghiệp trong việc thực hiện các cam kết tài chính khi đến hạn.

Thông tin về kết quả kinh doanh được cung cấp qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc nghiên cứu các thông tin về tình hình kinh doanh, đặc biệt là khả năng sinh lợi của doanh nghiệp sẽ giúp cho người sử dụng:

- Đánh giá các thay đổi tiềm tàng của các nguồn lực kinh tế mà doanh nghiệp có thể kiểm soát trong tương lai.
- Dự đoán khả năng tạo lợi nhuận của doanh nghiệp trên cơ sở hiện có.
- Đánh giá tính hiệu quả các nguồn lực bổ sung mà doanh nghiệp sử dụng.

Thông tin về biến động tài chính được cung cấp thông qua báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Việc nghiên cứu những thông tin này sẽ rất hữu ích cho người sử dụng trong việc:

- Đánh giá xem doanh nghiệp có lợi tức nhưng có tiền hay không.
- Đánh giá các hoạt động kinh doanh, đầu tư tài chính của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo.
- Đánh giá khả năng tạo ra nguồn tiền và các khoản tương đương tiền trong tương lai của doanh nghiệp, cũng như việc sử dụng các nguồn tiền này.

➤ Mục đích thiết lập báo cáo kế toán quản trị doanh nghiệp phải gắn liền với mục tiêu hoạt động cụ thể của từng doanh nghiệp và các chức năng quản lý nội bộ của nhà quản lý. Do mỗi loại hình hoạt động khác nhau sẽ có mục tiêu và cách thức để đạt được mục đích khác

nhau, vì thế việc quản lý những hoạt động này sẽ cần những thông tin phù hợp đối với từng loại hoạt động, nhằm hướng đến mục tiêu đã xác định. Như vậy có thể nói rằng, mục đích của báo cáo kế toán quản trị là nhằm cung cấp thông tin hữu ích phục vụ cho việc hoạch định, kiểm soát và ra quyết định của nhà quản lý ở nhiều cấp độ khác nhau trong sự phù hợp với đặc điểm hoạt động của từng doanh nghiệp.

## **II. Nội dung, phương pháp lập các bảng biểu kế toán**

### **II.1 Nội dung, trình tự ghi sổ kế toán**

Để hệ thống hóa thông tin kế toán, các doanh nghiệp sử dụng nhiều loại sổ kế toán. Tuy nhiên theo mức độ phản ánh đối tượng kế toán, sổ kế toán gồm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết. Kết cấu và mẫu sổ kế toán tổng hợp phụ thuộc vào hình thức kế toán sử dụng. Điều này là do mỗi hình thức kế toán có số lượng sổ kế toán tổng hợp khác nhau, trình tự hệ thống hóa thông tin kế toán khác nhau và cách kiểm tra đối chiếu số liệu trên sổ kế toán tổng hợp cũng khác nhau. Tuy nhiên đối với các sổ kế toán chi tiết thì kết cấu mẫu sổ tương tự nhau không phụ thuộc vào hình thức kế toán sử dụng mà chủ yếu phụ thuộc vào yêu cầu quản lý nội bộ trong doanh nghiệp. Các loại sổ kế toán khác nhau về:

- + Chức năng ghi chép của sổ
- + Hình thức và nội dung kết cấu
- + Phương pháp hạch toán các chỉ tiêu thông tin trên sổ kế toán
- + Cơ sở số liệu ghi chép vào sổ

Việc tổ chức xây dựng hệ thống sổ và ghi chép kế toán một cách khoa học, chính xác có một ý nghĩa quan trọng đảm bảo cho việc tổng hợp số liệu và cung cấp thông tin kế toán, đảm bảo chất lượng của các chỉ tiêu báo cáo kế toán tiết kiệm được thời gian công tác. Do vậy, việc tổ chức hệ thống sổ kế toán đòi hỏi phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Khi tổ chức sổ kế toán tổng hợp phải đảm bảo mối quan hệ giữa ghi sổ theo thứ tự thời gian với ghi sổ phân loại theo hệ thống toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh ở doanh nghiệp.
- Phải đảm bảo mối quan hệ giữa ghi sổ kế toán tổng hợp với ghi sổ kế toán chi tiết đối với các chỉ tiêu kinh tế, tài chính, tổng hợp (phản ánh trên các tài khoản cấp I) cần ghi chép kế toán chi tiết (phản ánh ở tài khoản chi tiết các cấp II, III, IV...).
- Phải đảm bảo mối quan hệ kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm đảm bảo tính chính xác tuyệt đối trong quá trình hệ thống hóa thông tin kế toán từ các chứng từ kế toán.

Để thực hiện những yêu cầu trên, kế toán đã xây dựng được một số phương án tổ chức hệ thống sổ kế toán sử dụng cho các đơn vị nói chung và cho các doanh nghiệp nói riêng, gọi là hình thức kế toán. Các hình thức kế toán phổ biến hiện nay ở các doanh nghiệp bao gồm: Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái, hình thức kế toán Nhật ký chung, hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ và hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

Tương tự kế toán thủ công, khi lập các sổ kế toán trên máy, kế toán phải đảm bảo nguyên tắc chung trong ghi sổ kế toán là dựa vào chứng từ gốc hợp pháp, hợp lệ để định khoản rồi từ đó ghi vào các sổ kế toán có liên quan theo đúng mẫu, đúng phương pháp và đúng quy tắc.

Các phần mềm kế toán máy được lập trình đều đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự ghi sổ theo hình thức ghi sổ kế toán đã được lựa chọn.

## II.2 Nội dung, phương pháp lập báo cáo kế toán

Thông tin kế toán tài chính thường được cung cấp qua các báo cáo tài chính là chủ yếu. Hệ thống báo cáo tài chính là một trong những hệ thống báo cáo kế toán của doanh nghiệp, nó tổng hợp số liệu theo các chỉ tiêu kinh tế tài chính nhất định, phản ánh một cách tổng quát, toàn diện tình hình tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp tại một thời điểm, tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, nhằm phục vụ cho các đối tượng sử dụng thông tin kế toán nhận biết tình hình kinh tế, tài chính, quá trình và kết quả hoạt động của đơn vị và đề ra các quyết định cần thiết. Các báo cáo tài chính chủ yếu được sử dụng trong doanh nghiệp bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.

### II.2.1 Bảng cân đối tài khoản (Bảng cân đối số phát sinh)

Để đảm bảo tính chính xác của bảng cân đối kế toán, trước khi lập bảng, kế toán phải tiến hành đối chiếu, kiểm tra số liệu hạch toán nhằm phát hiện những sai lệch để tiến hành điều chỉnh lại cho phù hợp. Một trong các phương pháp kiểm tra được sử dụng là phương pháp lập bảng cân đối tài khoản, còn gọi là bảng đối chiếu số phát sinh hay bảng cân đối số phát sinh.

\* Nguyên tắc lập bảng cân đối tài khoản:

Bảng cân đối tài khoản được lập bằng cách liệt kê toàn bộ tài khoản cấp một mà đơn vị sử dụng cùng số dư đầu kỳ, số phát sinh trong kỳ và số dư cuối kỳ của các tài khoản.

### II.2.2 Bảng cân đối kế toán

Bảng cân đối kế toán (BCĐKT) là một báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát toàn bộ giá trị tài sản hiện có và nguồn hình thành tài sản của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định (thời điểm lập báo cáo).

Bảng cân đối kế toán (BCĐKT) có ý nghĩa rất quan trọng trong công tác quản lý doanh nghiệp. Số liệu trên bảng CĐKT cho biết toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp theo cơ cấu tài sản; nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn hình thành các tài sản đó. Thông qua bảng CĐKT có thể nhận xét nghiên cứu và đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp. Đồng thời, có thể phân tích tình hình sử dụng vốn, khả năng huy động nguồn vốn vào sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

\* Nguyên tắc lập bảng cân đối kế toán:

Thực chất của bảng CĐKT là bảng cân đối giữa vốn kinh doanh và nguồn hình thành vốn kinh doanh tại một thời điểm nhất định (đầu năm và cuối kỳ hạch toán). Việc tuân thủ các nguyên tắc sau sẽ bảo đảm cho việc lập bảng CĐKT được nhanh chóng, dễ dàng và chính xác:

- Phải hoàn tất việc ghi sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết, tiến hành khoá sổ kế toán, tính ra số dư cuối kỳ của các tài khoản tổng hợp và tài khoản phân tích, kiểm tra đối chiếu số liệu kế toán giữa các sổ sách có liên quan, bảo đảm khớp đúng.
- Kiểm tra lại số liệu ghi trên cột "Số cuối kỳ" của BCĐKT ngày 31/12 năm trước. Số liệu ở cột này sẽ được chuyển vào cột "Số đầu năm" của BCĐKT năm nay.
- Tuyệt đối không được bù trừ số dư giữa hai bên Nợ và Có của các tài khoản thanh toán như 131, 331 mà phải căn cứ vào số dư chi tiết của từng bên để ghi vào các chỉ tiêu liên quan trên BCĐKT.



- Một chỉ tiêu trên BCĐKT liên quan đến tài khoản nào thì căn cứ vào số dư của tài khoản đó (tài khoản tổng hợp, tài khoản phân tích) để phản ánh. Số dư bên Nợ của tài khoản sẽ được ghi vào bên "Tài sản" và số dư bên Có của tài khoản sẽ được ghi vào bên "Nguồn vốn" trừ một số trường hợp ngoại lệ để phản ánh chính xác quy mô tài sản hiện có tại doanh nghiệp được quy định dưới đây:

*TK 214, TK 129, TK 139, TK 159, TK 229*

Các tài khoản trên mặc dù có số dư bên Có nhưng lại được ghi đỏ hay ghi trong dấu ngoặc đơn bên "Tài sản" (giảm trừ).

Một số tài khoản khác có số dư bên Nợ hoặc bên Có nhưng được ghi bên "Nguồn vốn" như:

- TK 412 "Chênh lệch đánh giá lại tài sản"
- TK 413 "Chênh lệch tỷ giá"
- TK 421 "Lợi nhuận chưa phân phối"

Nếu các tài khoản trên có số dư bên Có thì ghi đen bình thường. Ngược lại nếu các tài khoản đó có số dư bên Nợ thì phải ghi đỏ hay ghi trong dấu ngoặc đơn để trừ đi.

*\* Cơ sở số liệu để lập BCĐKT*

Mỗi phần của BCĐKT đều được phản ánh theo cột: Mã số, số đầu năm, số cuối kỳ (quý, năm). Do vậy, cơ sở số liệu để thiết lập BCĐKT bao gồm:

- Căn cứ vào các sổ kế toán tổng hợp và chi tiết.
- Căn cứ vào bảng cân đối kế toán kỳ trước (quý trước, năm trước).

📖 Các báo cáo kế toán được lập trong máy tuân thủ đầy đủ nguyên tắc lập báo cáo kế toán theo phương pháp thủ công. Chương trình kế toán có nhiệm vụ kết hợp các số liệu, chứng từ kế toán với các biểu mẫu kế toán để cung cấp các báo cáo kế toán hoàn chỉnh cho nhà quản lý thông qua các câu lệnh và sử dụng thanh công cụ do kế toán thực hiện. Tuy nhiên, không phải hoàn thành xong việc nhập chứng từ sẽ có được các báo cáo kế toán chính xác, điều này còn tùy thuộc trình độ của người kế toán viên cũng như việc tuân thủ các nguyên tắc chung trong kế toán máy.

Điều kiện để lập báo cáo kế toán trên máy là phải tiến hành chuyển số dư cuối kỳ trước sang số dư đầu kỳ này.

### *II.2.3 Bảng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh tổng quát tình hình và kết quả kinh doanh trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được chi tiết theo hoạt động sản xuất kinh doanh chính và các hoạt động tài chính, hoạt động bất thường. Ngoài ra, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh còn kết hợp phản ánh tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước về các khoản thuế và các khoản khác phải nộp cũng như chi tiết các chỉ tiêu về thuế giá trị gia tăng.

*Nội dung và cơ sở số liệu*

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm ba phần chính:

Phần I: Lãi, lỗ phản ánh tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác. Phần này bao gồm các chỉ tiêu sau:

1. Doanh thu thuần
2. Giá vốn hàng bán
3. Lợi nhuận gộp
4. Chi phí bán hàng
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp
6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh....

Các chỉ tiêu này đều được trình bày theo các nội dung như tổng số phát sinh trong kỳ, số liệu của kỳ trước (dùng cho mục đích so sánh) và số lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo.

Phần II: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước\_ phản ánh tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước về thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác. Các khoản thuế trong phần này được chi tiết theo từng loại thuế như thuế GTGT hàng bán nội địa, thuế GTGT hàng nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, .... Tất cả các chỉ tiêu này đều được trình bày theo các nội dung như số còn phải nộp của kỳ trước chuyển sang, số phải nộp phát sinh trong kỳ báo cáo, số đã nộp trong kỳ báo cáo, lũy kế số phải nộp và số đã nộp từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo và số còn phải nộp đến cuối kỳ báo cáo. Ngoài ra, cuối phần II còn phản ánh số thuế còn phải nộp năm trước chuyển sang, trong đó chi tiết theo thuế thu nhập doanh nghiệp.

Phần III: Thuế GTGT được khấu trừ, thuế GTGT được hoàn lại, thuế GTGT được giảm, thuế GTGT hàng bán nội địa\_ phản ánh số thuế GTGT được khấu trừ; thuế GTGT đã khấu trừ, còn được khấu trừ cuối kỳ; thuế GTGT được hoàn lại, đã hoàn lại, còn được hoàn lại cuối kỳ; thuế GTGT được giảm, đã giảm và còn được giảm cuối kỳ; thuế GTGT hàng bán nội địa đã nộp vào Ngân sách Nhà nước và còn phải nộp cuối kỳ.

\* Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp dựa trên cơ sở số liệu sau:

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ trước
- Sổ kế toán trong kỳ của các tài khoản từ loại 5 đến loại 9
- Sổ kế toán các tài khoản 133 "Thuế GTGT được khấu trừ" và tài khoản 333 "Thuế và các khoản phải nộp nhà nước"

#### II.2.4 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh việc hình thành và sử dụng lượng tiền phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp. Dựa vào báo cáo lưu chuyển tiền tệ, người sử dụng có thể đánh giá được khả năng tạo ra tiền, sự biến động tài sản thuần của doanh nghiệp, khả năng thanh toán của doanh nghiệp và dự đoán được luồng tiền trong kỳ tiếp theo.

Nội dung của báo cáo lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp gồm ba phần sau đây:

- ♦ Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh:

Phản ánh toàn bộ dòng tiền thu vào và chi ra liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, như tiền thu bán hàng, tiền thu từ các khoản phải thu thương mại, các chi phí bằng tiền như tiền trả cho nhà cung cấp (trả ngay trong kỳ và tiền trả cho khoản nợ từ kỳ trước), tiền thanh toán cho công nhân viên về tiền lương và bảo hiểm xã hội, các chi phí khác bằng tiền (chi phí văn phòng phẩm, công tác phí...).

♦ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:

- Phản ánh toàn bộ dòng tiền thu vào và chi ra liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư của doanh nghiệp.

Dòng tiền lưu chuyển được tính gồm toàn bộ các khoản thu do bán, thanh lý tài sản cố định, thu hồi các khoản đầu tư vào các đơn vị khác... và các khoản chi thanh lý, chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định, chi về đầu tư vào các đơn vị khác.

♦ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:

Phản ánh toàn bộ dòng tiền thu vào và chi ra liên quan trực tiếp đến hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Hoạt động tài chính của doanh nghiệp bao gồm các nghiệp vụ làm tăng giảm vốn kinh doanh của doanh nghiệp, như chủ doanh nghiệp góp vốn, vay vốn (không phân biệt vay vốn dài hạn hay vốn vay ngắn hạn), nhận vốn liên doanh, phát hành cổ phiếu, trái phiếu, trả nợ các khoản vay hoặc thanh toán trái phiếu, cổ phiếu...

Dòng tiền lưu chuyển được tính bao gồm các khoản thu, chi liên quan như tiền vay đã nhận, tiền thu được do phát hành cổ phiếu, trái phiếu, tiền chi trả lãi cho các bên góp vốn, trả lãi cổ phiếu, trái phiếu bằng tiền, thu lãi tiền gửi...

\* Nguyên tắc lập và cơ sở số liệu

Theo phương pháp gián tiếp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập bằng cách điều chỉnh lợi nhuận trước thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh khỏi ảnh hưởng của các nghiệp vụ không trực tiếp thu tiền hoặc chi tiền đã làm tăng, giảm lợi nhuận loại trừ các khoản lãi, lỗ của hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính đã tính vào lợi nhuận trước thuế, điều chỉnh các khoản mục thuộc vốn lưu động. Theo phương pháp này, báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập dựa vào:

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Bảng cân đối kế toán
- Các tài liệu khác như: sổ cái, sổ kế toán chi tiết, báo cáo vốn góp, khấu hao, chi tiết hoàn nhập dự phòng hoặc các tài liệu chi tiết về mua bán tài sản cố định, trả lãi vay, sổ thu chi tiền mặt...

Theo phương pháp trực tiếp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập bằng cách xác định và phân tích trực tiếp các khoản thực thu, thực chi bằng tiền trên các sổ kế toán vốn bằng tiền theo từng loại hoạt động và nội dung thu chi. Cơ sở số liệu để lập :

- Bảng cân đối kế toán
- Sổ kế toán thu chi vốn bằng tiền
- Sổ kế toán theo dõi các khoản phải thu, phải trả

### II.2.5 Thuyết minh báo cáo tài chính

Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp, được lập để giải thích và bổ sung những thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo mà các báo cáo tài chính khác không thể trình bày rõ ràng và chi tiết được.

Thuyết minh báo cáo tài chính trình bày khái quát đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nội dung một số chế độ kế toán được doanh nghiệp lựa chọn để áp



dụng, tình hình và lý do biến động của một số đối tượng tài sản và nguồn vốn quan trọng, phân tích một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu và các kiến nghị của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp phải trình bày đầy đủ các chỉ tiêu theo nội dung đánh giá quy định trong thuyết minh báo cáo tài chính. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng có thể trình bày thêm các nội dung khác nhằm giải thích chi tiết hơn tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

*Cơ sở số liệu:*

- Các sổ kế toán kỳ báo cáo
- Bảng cân đối kế toán kỳ báo cáo
- Báo cáo kết quả kinh doanh kỳ báo cáo
- Thuyết minh báo cáo tài chính kỳ trước, năm trước

Theo thông tư số 89/2002/TT-BTC ngày 09/10/2002 hướng dẫn kế toán thực hiện 4 chuẩn mực kế toán ban hành hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, hệ thống báo cáo tài chính có những bổ sung và thay đổi như sau:

Bổ sung tài khoản 242-Chi phí trả trước dài hạn

Xoá bỏ, sửa đổi tên và số hiệu một số tài khoản loại 7, loại 8.

- Xoá bỏ Tài khoản 711-Thu nhập hoạt động tài chính và Tài khoản 811-Chi phí hoạt động tài chính.
- Đổi tên và số hiệu Tài khoản 721-Các khoản thu nhập bất thường thành Tài khoản 711-Thu nhập khác và Tài khoản 821-Chi phí bất thường thành Tài khoản 811-Chi phí khác.
- Sửa đổi, bổ sung nội dung Tài khoản 711-Thu nhập khác.
- Riêng bảng Thuyết minh báo cáo tài chính có thêm mục “Một số chỉ tiêu chi tiết về hàng tồn kho” sau phần “Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố” như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá gốc của tổng số hàng tồn kho</li> <li>- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho</li> <li>- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho (giá gốc trừ (-) dự phòng giảm giá hàng tồn kho) đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ vay</li> </ul>		

Do có những sự thay đổi, bổ sung này nên biểu mẫu các báo cáo tài chính cũng có sự thay đổi cho phù hợp. Một số phần mềm kế toán được lập trình có khả năng liên kết, giao tiếp với các phần mềm ứng dụng khác như nhập và truy xuất dữ liệu từ Excel, Access... Nếu phần mềm kế toán có khả năng này thì sẽ rất thuận lợi cho kế toán viên trong việc lập các báo cáo kế toán theo các biểu mẫu mới do Bộ tài chính ban hành. Điều này không những giảm nhẹ khối lượng công việc cho kế toán viên mà còn đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho các nhà quản trị doanh nghiệp ra quyết định lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh tối ưu.

### III. Hướng dẫn thực hành

#### III.1 Thiết lập sổ kế toán

Báo cáo đối chiếu	Menu xem báo cáo
Phiếu nhập mua vật tư, hàng hóa	Kế toán mua hàng và công nợ phải trả/ Báo cáo hàng nhập mua/ Bảng kê phiếu nhập
Chi phí mua hàng	Kế toán mua hàng và công nợ phải trả/ Báo cáo hàng nhập mua/ Bảng kê phiếu nhập
Hóa đơn mua dịch vụ, TSCĐ	Kế toán mua hàng và công nợ phải trả/ Báo cáo công nợ theo hóa đơn/ Bảng kê hóa đơn mua hàng và dịch vụ <i>Lưu ý: điều kiện lọc tại trường mã chứng từ = PNI</i>
Phiếu nhập thành phẩm (nhập từ sản xuất)	Kế toán hàng tồn kho/ Báo cáo hàng nhập/ Bảng kê phiếu nhập
Phiếu xuất kho cho sản xuất và gửi bán ở các đại lý	Kế toán hàng tồn kho/ Báo cáo hàng xuất/ Bảng kê phiếu xuất
Phiếu nhập thành phẩm (nhập từ sản xuất)	Kế toán hàng tồn kho/ Báo cáo hàng nhập/ Bảng kê phiếu nhập
Phiếu xuất kho cho sản xuất và gửi bán ở các đại lý	Kế toán hàng tồn kho/ Báo cáo hàng xuất/ Bảng kê phiếu xuất
Hóa đơn giảm giá	Kế toán bán hàng và công nợ phải thu/ Báo cáo công nợ theo khách hàng/ Bảng kê chứng từ <i>Lưu ý: điều kiện lọc tại trường mã chứng từ = HD4</i>
Chứng từ bù trừ công nợ	Kế toán bán hàng và công nợ phải thu/ Báo cáo công nợ theo khách hàng/ Bảng kê chứng từ <i>Lưu ý: điều kiện lọc tại trường mã chứng từ = HD9</i>
Chứng từ ghi nợ ghi có tài khoản công nợ	Kế toán bán hàng và công nợ phải thu/ Báo cáo công nợ theo khách hàng/ Bảng kê chứng từ <i>Lưu ý: điều kiện lọc tại trường mã chứng từ = HD6</i>
Tiền mặt tại quỹ (phiếu thu, phiếu chi)	Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay/ Báo cáo tiền mặt, tiền gửi ngân hàng/ Sổ quỹ
Tiền gửi ngân hàng (báo có, báo nợ)	Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay/ Báo cáo tiền mặt, tiền gửi ngân hàng/ Sổ chi tiết của một tài khoản
Tiền vay ngắn hạn.	Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay/ Báo cáo tiền mặt, tiền gửi ngân hàng/ Sổ chi tiết của một tài khoản

Kế toán công nợ phải thu

Báo cáo đối chiếu	Menu xem báo cáo
-------------------	------------------

Sổ chi tiết công nợ phải thu của khách hàng H1 (KHH1)	Kế toán bán hàng và công nợ phải thu/ Báo cáo công nợ theo khách hàng/ Sổ chi tiết công nợ của một khách hàng
Bảng cân đối phát sinh công nợ phải thu các khách hàng	Kế toán bán hàng và công nợ phải thu/ Báo cáo công nợ theo khách hàng/ Bảng cân đối phát sinh công nợ của một tài khoản
Sổ chi tiết công nợ tạm ứng của nhân viên Nguyễn Văn Tư (NVTNV)	Kế toán bán hàng và công nợ phải thu/ Báo cáo công nợ theo khách hàng/ Sổ chi tiết công nợ của một khách hàng
Bảng cân đối phát sinh công nợ tạm ứng các nhân viên	Kế toán bán hàng và công nợ phải thu/ Báo cáo công nợ theo khách hàng/ Bảng cân đối phát sinh công nợ của một tài khoản

Kế toán công nợ phải trả

<b>Báo cáo đối chiếu</b>	<b>Menu xem báo cáo</b>
Sổ chi tiết công nợ phải trả cho nhà cung cấp hàng hóa người bán S1 (NBS1)	Kế toán mua hàng và công nợ phải trả/ Báo cáo công nợ theo nhà cung cấp/ Sổ chi tiết công nợ của một khách hàng
Bảng cân đối phát sinh công nợ phải trả cho các nhà cung cấp hàng hóa	Kế toán mua hàng và công nợ phải trả/ Báo cáo công nợ theo nhà cung cấp/ Bảng cân đối phát sinh công nợ của một tài khoản
Sổ chi tiết công nợ phải trả cho nhà cung cấp dịch vụ Cty Điện Lực Hà Nội (NBL01)	Kế toán mua hàng và công nợ phải trả/ Báo cáo công nợ theo nhà cung cấp/ Sổ chi tiết công nợ của một khách hàng
Bảng cân đối phát sinh công nợ phải trả cho các nhà cung cấp dịch vụ	Kế toán mua hàng và công nợ phải trả/ Báo cáo công nợ theo nhà cung cấp/ Bảng cân đối phát sinh công nợ của một tài khoản

Kế toán hàng tồn kho

<b>Nghiệp vụ phát sinh</b>	<b>Menu cập nhật</b>
Tính giá trung bình tháng	Kế toán hàng tồn kho/ Cập nhật số liệu/ Tính giá trung bình
Tính giá trung bình di động theo ngày	Kế toán hàng tồn kho/ Cập nhật số liệu/ Tính giá trung bình di động theo ngày
Tính giá cho vật tư nhập trước xuất trước	Kế toán hàng tồn kho/ Cập nhật số liệu/ Tính giá nhập trước xuất trước

<b>Báo cáo đối chiếu</b>	<b>Menu xem báo cáo</b>
Tính giá trung bình	Kế toán hàng tồn kho/ Báo cáo hàng tồn kho/ Bảng giá trung bình
- Thẻ kho	Kế toán hàng tồn kho/ Báo cáo hàng tồn kho/ Thẻ kho, Sổ chi tiết vật tư
- Bảng cân đối nhập xuất tồn kho	Kế toán hàng tồn kho/ Báo cáo hàng tồn kho/ Tổng hợp nhập xuất tồn

Kế toán tài sản cố định

<b>Báo cáo đối chiếu</b>	<b>Menu xem báo cáo</b>
Tính khấu hao TSCĐ	Kế toán tài sản cố định/ Báo cáo khấu hao và phân bổ khấu hao/ Bảng tính khấu hao TSCĐ
Bút toán phân bổ khấu hao TSCĐ	Kế toán tài sản cố định/ Báo cáo khấu hao và

	phân bổ khấu hao/ Bảng phân bổ khấu hao Kế toán tổng hợp/ Lọc tìm và tra cứu số liệu/ Bảng kê chứng từ. Điều kiện lọc tại trường mã chứng từ là PK5
Điều chỉnh giá trị tài sản	Kế toán tài sản cố định/ Báo cáo kiểm kê tài sản cố định/ Báo cáo chi tiết tài sản cố định
Khai báo giảm TSCĐ	Kế toán tài sản cố định/ Báo cáo tăng giảm TSCĐ/ Báo cáo chi tiết giảm TSCĐ
Điều chuyển bộ phận sử dụng	Kế toán tài sản cố định/ Báo cáo kiểm kê TSCĐ/ Báo cáo chi tiết TSCĐ theo bộ phận
Điều chỉnh khấu hao tháng	Kế toán tài sản cố định/ Báo cáo khấu hao và phân bổ khấu hao/ Bảng tính khấu hao

<b>Báo cáo đối chiếu</b>	<b>Menu xem báo cáo</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bút toán phân bổ tiền lương, BHXH, BHYT, KPCĐ</li> <li>- Trích lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất</li> <li>- Bút toán phân bổ công cụ dụng cụ</li> <li>- Bút toán phân bổ khấu hao</li> <li>- Bút toán kết chuyển chi phí SCL vào chi phí chờ phân bổ</li> <li>- Phân bổ chi phí SCL</li> </ul>	Kế toán tổng hợp/Lọc tìm số liệu và báo cáo nhanh/Bảng kê chứng từ <i>Lưu ý: điều kiện lọc tại trường mã chứng từ = PK1</i>
Bút toán phân bổ khấu hao	Kế toán tổng hợp/ Lọc tìm số liệu và báo cáo nhanh/ Bảng kê chứng từ <i>Lưu ý: điều kiện lọc tại trường mã chứng từ = PK5</i>
Tính giá trung bình nguyên vật liệu	Kế toán hàng tồn kho/ Báo cáo hàng xuất/ Bảng kê phiếu xuất Kế toán hàng tồn kho/ Báo cáo nhập xuất tồn/ Bảng giá trung bình
Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vào chi phí sản xuất dở dang	Kế toán tổng hợp/ Lọc tìm số liệu và báo cáo nhanh/ Bảng kê chứng từ <i>Lưu ý: điều kiện lọc tại trường mã chứng từ = PK3</i>
Phân bổ chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cho các sản phẩm	Kế toán tổng hợp/ Lọc tìm số liệu và báo cáo nhanh/ Bảng kê chứng từ <i>Lưu ý: điều kiện lọc tại trường mã chứng từ = PBL</i>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập hợp và phân bổ chi phí NVL</li> <li>- Phân bổ chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung</li> <li>- Tính giá thành sản phẩm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảng giá thành sản phẩm</li> <li>- Thẻ giá thành sản phẩm</li> <li>- Thẻ giá thành sản phẩm (2)</li> <li>- Báo cáo chi tiết giá thành theo vật tư</li> <li>- Báo cáo tổng hợp giá thành sản phẩm</li> </ul>
Cập nhật giá cho các phiếu thành phẩm	Kế toán hàng tồn kho/ Cập nhật số liệu/ Phiếu nhập kho
<b>Báo cáo đối chiếu</b>	<b>Menu xem báo cáo</b>

Kết chuyển GTKH và GTCL của dàn máy vi tính (nghịệp vụ bán TSCĐ)	Kế toán tổng hợp/ Lọc tìm số liệu và báo cáo nhanh/ Bảng kê chứng từ <i>Lưu ý: điều kiện lọc tại trường mã chứng từ = PK1</i>
Bút toán tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	
Tạm trích các quỹ phát triển, khen thưởng, phúc lợi	

Kế toán tổng hợp – các bút toán cuối kỳ

Báo cáo đối chiếu	Menu xem báo cáo
Phân bổ chi phí chờ phân bổ	Kế toán tổng hợp/ Lọc tìm số liệu và báo cáo nhanh/ Bảng kê chứng từ <i>Lưu ý: điều kiện lọc tại trường mã chứng từ = PK1</i>
Kết chuyển kết quả lãi lỗ	
Kết chuyển thuế GTGT đầu vào	
Kết chuyển thuế GTGT đầu vào	
Kết chuyển doanh thu, giá vốn hàng bán	Kế toán tổng hợp/ Lọc tìm số liệu và báo cáo nhanh/ Bảng kê chứng từ <i>Lưu ý: điều kiện lọc tại trường mã chứng từ = PK3</i>
Kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp	
Kết chuyển thu nhập từ hoạt động tài chính, thu nhập bất thường	
Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính, hoạt động bất thường	
Bút toán phân bổ chi phí sản xuất chung cho các phân xưởng A và B (TK 6271C => TK 6271PXA, 6271PXB;...)	Kế toán tổng hợp/ Lọc tìm số liệu và báo cáo nhanh/ Bảng kê chứng từ <i>Lưu ý: điều kiện lọc tại trường mã chứng từ = PK4</i>

### III.2 Các báo cáo tài chính

Báo cáo đối chiếu	Menu xem báo cáo
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảng cân đối phát sinh các tài khoản</li> <li>- Bảng cân đối kế toán</li> <li>- Bảng cân đối kế toán cho nhiều kỳ</li> <li>- Báo cáo KQSXKD Phần 1. Lãi lỗ</li> <li>- Báo cáo KQSXKD cho nhiều kỳ</li> <li>- Báo cáo KQSXKD Phần 2. NS</li> <li>- Báo cáo KQSXKD Phần 3. Thuế</li> <li>- Báo cáo dòng tiền theo phương pháp trực tiếp</li> <li>- Báo cáo dòng tiền theo phương pháp trực tiếp cho nhiều kỳ</li> <li>- Báo cáo dòng tiền theo phương pháp gián tiếp</li> <li>- Báo cáo dòng tiền theo phương pháp gián tiếp cho nhiều kỳ</li> <li>- Thuyết minh báo cáo tài chính</li> <li>- Bảng phân tích tài chính của doanh nghiệp</li> </ul>	Kế toán tổng hợp/ Báo cáo tài chính/ ...

Các báo cáo thuế

Báo cáo đối chiếu	Menu xem báo cáo
-------------------	------------------



- Tờ khai thuế GTGT (mẫu 01/GTGT)	Báo cáo thuế/ Báo cáo thuế GTGT/...
- Bảng kê chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra (mẫu 02/GTGT)	
- Bảng kê chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào (mẫu 03, 04, 05/GTGT)	
- Báo cáo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (mẫu 04/TNDN)	Báo cáo thuế/ Báo cáo quyết toán thuế TNDN/...

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- PGS.TS Nguyễn Văn Công, 2004, Phần 9: Báo cáo kế toán trong Vận dụng chuẩn mực kế toán mới vào các phần hành kế toán doanh nghiệp, Trang 291-293, NXB Tài chính Hà Nội.
- Công ty tài chính kế toán FAST, 2005, Chương 5: Phân hệ kế toán tổng hợp trong Hướng dẫn thực hành phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING, trang 17-18.

### CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG IV

1. Khái niệm hệ thống bảng biểu kế toán
2. Mục đích thiết lập hệ thống bảng biểu kế toán
3. Nội dung, phương pháp lập các bảng biểu kế toán
4. Việc ghi sổ kế toán có ý nghĩa gì? Vì sao phải thiết lập báo cáo kế toán?
5. Trình bày nguyên tắc lập và cơ sở số liệu của bảng cân đối tài khoản, bảng cân đối kế toán? So sánh với kế toán thủ công.
6. Việc lập các bảng biểu kế toán trong chương trình kế toán máy giống và khác như thế nào so với lập theo phương pháp thủ công ?
7. Trình bày nguyên tắc, điều kiện để thiết lập các báo cáo kế toán trên máy?

### BÀI TẬP THỰC HÀNH CHƯƠNG IV